

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/LĐ-ST
Ngày 31-3-2025
V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại
khi Sa thải và yêu cầu bồi thường thiệt
hại theo hợp đồng đào tạo

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải;

Ông Trần Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 06/2024/TLST-LĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc: Tranh chấp về bồi thường thiệt hại khi Sa thải và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo hợp đồng đào tạo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-LĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-LĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn L1; địa chỉ trụ sở: Lô A, Khu công nghiệp T, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Văn P và bà Trần Thị Thùy L - Luật sư Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Văn C, bà Nguyễn Thị M và ông Lưu Thanh H - Luật sư Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Xuân T, sinh năm 1996; nơi đăng ký thường trú: Thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Hàn Quốc (không xác định được địa chỉ cư trú); vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Việt T1, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 31/3/2021 Công ty Trách nhiệm hữu hạn L1 (sau đây viết tắt là Công ty L1) ký hợp đồng lao động số VH007060 với anh Đặng Xuân T; loại hợp đồng: Thời hạn từ 12 tháng đến dưới 36 tháng, tính từ ngày 21/3/2021; làm việc tại Công ty L1; chức danh chuyên môn: Công nhân kỹ thuật. Để phục vụ cho nhu cầu mở rộng sản xuất, tăng vốn đầu tư tại Việt Nam, Công ty L1 đã có Quyết định cử một số lao động đi đào tạo tại Hàn Quốc, trong đó có anh Đặng Xuân T.

Ngày 24/3/2023 Công ty L1 và anh T có ký hợp đồng đào tạo về việc cử anh T đi đào tạo tại Hàn Quốc. Nội dung hợp đồng đào tạo có các nội dung chính như sau: Địa điểm tổ chức: Nhà máy L3, G-do, Hàn Quốc; thời gian đào tạo: 82 ngày (từ ngày 22/01/2024 đến ngày 12/4/2024). Chi phí đào tạo bao gồm: Chi phí tổ chức khóa học; vé máy bay; chi phí đi lại; phụ cấp lưu trú và công tác phí; lệ phí Visa; chi phí ăn, ở trong thời gian đào tạo; tiền lương, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động trong thời gian đào tạo và các khoản hỗ trợ khác theo chính sách của Công ty L1. Tổng dự tính chi phí khóa học là: 154.456.750 đồng, trong đó: Tiền lương: 22.941.592 đồng; chi phí vé máy bay: 18.110.000 đồng; công tác phí: 5.330 USD tính theo tiền USD; chi phí bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn): 6.292.996 đồng; chi phí chỗ ở: 84.134.624 đồng; chi phí cấp Visa: 880.000 đồng; tiền ăn: 13.852.188 đồng (128.261 đồng/bữa x 2 bữa = 256.522 đồng/ngày), phí xe buýt đưa đón: 8.245.350 đồng (152.692 đồng/ngày). Sau thời gian đào tạo, người lao động cam kết làm việc cho Công ty L1 (một) năm cho thời gian đào tạo từ 60 ngày trở lên. Nếu người lao động vi phạm thời gian cam kết làm việc cho Công ty L1 thì phải bồi thường 100% chi phí đào tạo nếu thời gian làm việc dưới 50% cam kết. Từ 51%-80% thời gian cam kết thì phải bồi thường 70% chi phí đào tạo; từ 81% đến dưới 100% thời gian cam kết thì phải bồi thường 30% chi phí đào tạo, phạt gấp 2 (hai) lần chi phí đào tạo. Ngoài ra, nếu người lao động vi phạm hợp đồng thì sẽ phải chịu khoản tiền phạt gấp 02 (hai) lần chi phí đào tạo.

Để đảm bảo người lao động thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng đào tạo, ngày 18/01/2024 ông Đặng Viết T1 (bố đẻ của anh Đặng Xuân T) đã ký Hợp đồng bảo lãnh số VH007060/HĐBL-LG với Công ty L1. Theo đó, ông T1 đồng ý bảo lãnh thanh toán toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh theo Hợp đồng đào tạo số VH007060/HDDT-LG ký ngày 24/3/2023 giữa anh T và Công ty L1, bao gồm các nghĩa vụ: Chi phí đào tạo nghề, tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có), tiền lãi trong trường hợp chậm thanh toán các khoản tiền thuộc phạm vi bảo lãnh thực hiện Hợp đồng đào tạo, Công ty L1 đã xin Visa, mua vé máy bay khứ hồi hai chiều cho anh T với ngày đi là 22/01/2024 và ngày về là 12/4/2024.

Ngày 22/01/2024 anh T đến Hàn Quốc theo đúng kế hoạch để tham gia khóa đào tạo. Tại sân bay, Công ty L1 bố trí xe đưa đón, chờ cả đoàn về ký túc xá của Công ty tại địa chỉ: Số A, C-ro 2-gil, G-si, G-do, Hàn Quốc. Ngày 03/02/2024 khi

đoàn ra sân bay về Việt Nam (do có nhiều người lao động tự ý rời khỏi ký túc xá nên buộc phải dùng khóa đào tạo trước thời hạn) thì phát hiện anh T đã tự ý rời khỏi đoàn, không lên máy bay về Việt Nam và cũng không quay lại Công ty để làm việc từ ngày 03/02/2024 đến nay. Sau đó Công ty L1 đã liên tục gọi điện thoại liên hệ với anh T nhưng không được. Do anh T tự ý bỏ đào tạo, không tiếp tục làm việc cho Công ty L1, vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng lao động và Hợp đồng đào tạo nên ngày 25/7/2024 Công ty L1 đã ra quyết định Sa thải anh Đặng Xuân T theo Quyết định số VHO05085/QK-KL sau 03 lần thông báo yêu cầu anh T quay trở lại làm việc vào các ngày 20/02/2024, 06/3/2024 và 13/3/2024 và mời tham dự họp kỷ luật vào ngày 25/7/2024. Ngoài việc gửi thư thông báo, đại diện Công ty L1 đã đến gặp bố mẹ anh T để thông báo về việc anh T tự ý bỏ khóa đào tạo, nhờ liên hệ với anh T nhưng đều không có kết quả. Việc anh T tự ý bỏ khóa đào tạo không thông báo dẫn tới cả đoàn 44 người lao động được cử sang đào tạo tại Hàn Quốc đã phải quay trở về Việt Nam gây thiệt hại lớn cho Công ty L1 và ảnh hưởng tới hoạt động của nhà máy tại Việt Nam khi không đào tạo đủ nhân lực để phát triển.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Yêu cầu bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn thiệt hại do việc chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật bao gồm: $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 2.705.000 đồng và khoản tiền lương tương ứng với 30 ngày nghỉ việc không báo trước tương ứng với số tiền: 5.410.000 đồng. Tổng số yêu cầu bồi thường 8.115.000 đồng.

2. Yêu cầu hoàn trả chi phí đào tạo là 37.212.952 đồng (bao gồm: Chi phí Visa: 880.000 đồng; vé máy bay: 18.110.000 đồng; tiền ăn 12 ngày: 3.078.000.000 đồng (từ ngày 22/01/2024 đến ngày 03/02/2024 x 02 bữa x 128.261 đồng); chi phí xe buýt đưa đón: 1.832.304 đồng (xe đưa đón 08 ngày x 152.692 đồng/ngày); chi phí chỗ ở ký túc xá: 12.312.384 đồng (12 ngày x 1.026.032 đồng); bảo hiểm tai nạn: 1.000.000 đồng/người).

3. Yêu cầu bị đơn phải trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng hai lần chi phí đào tạo là 74.425904 đồng (37.212.952 đồng x 2).

Trong đơn đề nghị đề ngày 16/3/2025 nguyên đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn một nửa ($\frac{1}{2}$) tháng tiền lương và tiền lương của những ngày không báo trước.

Đối với bị đơn (anh Đặng Xuân T): Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn không cung cấp lời khai, không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã gửi công văn đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an thành phố H và nhận được công văn trả lời: Anh Đặng Xuân T đã xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 21/01/2024 bằng hộ chiếu số C4111479 qua Cửa khẩu Sân bay quốc tế N, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Do bị đơn đã rời khỏi lãnh thổ Việt Nam và không có địa chỉ nơi đến nên Tòa án không thể thực hiện việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt cho bị

đơn. Toà án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Viết T1 (là bố đẻ của bị đơn, đồng thời là người ký hợp đồng bảo lãnh cho bị đơn đi đào tạo tại Hàn Quốc) trình bày: Hiện nay Công ty L1 khởi kiện tại Toà án, yêu cầu bồi thường, gia đình của bị đơn không đồng ý với yêu cầu bồi thường vì bản thân bố đẻ của bị đơn không phải là người được Công ty L1 đưa đi đào tạo, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên toà Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ của Tòa án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sự tuân thủ chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về việc buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại do việc chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật bao gồm: ½ tháng tiền lương theo hợp đồng lao động: 2.705.000 đồng và khoản tiền lương tương ứng với 30 ngày nghỉ việc không báo trước tương ứng với số tiền: 5.410.000 đồng. Tổng số yêu cầu bồi thường là 8.115.000 đồng; vì lý do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện này.

2. Chấp nhận yêu cầu hoàn trả chi phí đào tạo là 37.212.952 đồng (bao gồm: Chi phí Visa: 880.000 đồng; vé máy bay: 18.110.000 đồng; tiền ăn 12 ngày: 3.078.000.000 đồng (từ ngày 22/01/2024 đến ngày 03/02/2024 x 02 bữa x 128.261 đồng); chi phí xe buýt đưa đón: 1.832.304 đồng (xe đưa đón 08 ngày x 152.692 đồng/ngày); chi phí chỗ ở KTX: 12.312.384 đồng (12 ngày x 1.026.032 đồng); bảo hiểm tai nạn: 1.000.000 đồng/người.

3. Không chấp nhận yêu cầu bị đơn phải trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng 02 lần chi phí đào tạo: 74.425904 đồng (37.212.952 đồng x 2).

4. Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn (Công ty L1) khởi kiện đối với bị đơn (anh Đặng Xuân T) có đăng ký thường trú tại: Thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Hàn Quốc (không xác định được địa chỉ cư trú). Do đó cần xác định đây là tranh chấp về lao động có yếu tố nước ngoài. Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đều vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp về bồi thường thiệt hại khi Sa thải và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo hợp đồng đào tạo nên thời hiệu khởi kiện là 01 (một) năm. Bên vi phạm đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 03/02/2024; đến ngày 13/8/2024 nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nên căn cứ khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Lao động, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

- Về nội dung:

[4] Ngày 31/3/2021 Công ty L1 ký hợp đồng lao động số VH007060 với anh Đặng Xuân T; loại hợp đồng: Thời hạn từ 12 tháng đến dưới 36 tháng, tính từ ngày 21/3/2021; làm việc tại Công ty L1; chức danh chuyên môn: Công nhân kỹ thuật. Đây là quan hệ lao động được thiết lập dựa trên hợp đồng lao động có thời hạn dưới 36 tháng theo điểm b khoản 1 Điều 20 Bộ luật Lao động nên được pháp luật bảo vệ.

[5] Về hợp đồng đào tạo: Để phục vụ cho nhu cầu mở rộng sản xuất, tăng vốn đầu tư tại Việt Nam, Công ty L1 đã có Quyết định cử một số lao động đi đào tạo tại Hàn Quốc, trong đó có anh T. Ngày 24/3/2023 Công ty L1 ký hợp đồng đào tạo với anh T đi đào tạo tại Nhà máy L3, G-do, Hàn Quốc. Ngày 22/01/2024 anh T đã đến Hàn Quốc theo đúng kế hoạch để tham gia khóa đào tạo. Đây là hợp đồng đào tạo nghề giữa người sử dụng lao động với người lao động theo quy định tại Điều 62 Bộ luật Lao động.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Sau khi sang Hàn Quốc, ngày 03/02/2024 khi đoàn ra sân bay về Việt Nam (do có nhiều người lao động tự ý rời khỏi ký túc xá nên buộc phải dừng khóa đào tạo trước thời hạn) đã phát hiện anh T đã tự ý rời khỏi đoàn, không lên máy bay về Việt Nam và cũng không quay lại Công ty để làm việc từ 03/02/2024 đến nay. Sau đó Công ty L1 đã liên tục gọi điện

thoại liên hệ với anh T nhưng không được. Do anh T tự ý bỏ đào tạo, không tiếp tục làm việc cho Công ty L1, vì vậy lỗi được xác định hoàn toàn thuộc về phía anh T. Việc vi phạm các thoả thuận trong hợp đồng đào tạo của anh T nêu trên dẫn tới ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo và hoạt động sản xuất, kinh doanh gây thiệt hại về chi phí đào tạo và các chi phí khác cho Công ty L1. Công ty L1 đã thực hiện các trình tự, thủ tục để tiến hành xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức Sa thải và khởi kiện yêu cầu anh T phải bồi thường toàn bộ chi phí đào tạo theo hợp đồng đào tạo và phạt gấp 02 (hai) lần chi phí đào tạo. Đây là tranh chấp yêu cầu bồi thường dân sự do vi phạm hợp đồng đã ký giữa hai bên nên được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 62 Bộ luật Lao động và các điều 418, 419 của Bộ luật Dân sự; cụ thể:

[7] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại do việc chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật bao gồm: $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 2.705.000 đồng và khoản tiền lương tương ứng với 30 ngày nghỉ việc không báo trước với số tiền là 5.410.000 đồng. Đây là yêu cầu người lao động thực hiện nghĩa vụ khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 40 Bộ luật Lao động. Tuy nhiên nguyên đơn đã rút phần yêu cầu này trước khi mở phiên toà nên cần đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[8] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả chi phí đào tạo với số tiền là 37.212.952 đồng (bao gồm: Chi phí Visa: 880.000 đồng; vé máy bay: 18.110.000 đồng; tiền ăn 12 ngày: 3.078.000.000 đồng (từ ngày 22/01/2024 đến ngày 03/02/2024 x 02 bữa x 128.261 đồng); chi phí xe buýt đưa đón: 1.832.304 đồng (xe đưa đón 08 ngày x 152.692 đồng/ngày); chi phí chỗ ở ký túc xá: 12.312.384 đồng (12 ngày x 1.026.032 đồng); bảo hiểm tai nạn: 1.000.000 đồng/ người. Chi phí được nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả là những chi phí thực tế mà nguyên đơn đã phải bỏ ra và có các hoá đơn, chứng từ để chứng minh cụ thể. Mặt khác, các chi phí này đã được các bên nêu rõ và thoả thuận cụ thể tại Điều 2 của Hợp đồng đào tạo và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 62 của Bộ luật Lao động và Điều 419 của Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[9] Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền phạt do vi phạm hợp đồng với số tiền bằng 02 (hai) lần chi phí đào tạo với số tiền là: 74.425.904 đồng (37.212.952 đồng x 2). Do bị đơn vi phạm Hợp đồng đào tạo, trốn ở lại Hàn Quốc trái phép, gây thiệt hại cho nguyên đơn; căn cứ Điều 7 Hợp đồng đào tạo và Điều 418 của Bộ luật Dân sự, yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là: $37.212.952 + 74.425.904 = 111.638.856$ đồng (làm tròn là: 111.639.000 đồng).

[10] Xét về hợp đồng bảo lãnh: Để đảm bảo người lao động thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng đào tạo, ngày 18/01/2024 ông Đặng Viết T1 (bố đẻ của anh T) đã ký Hợp đồng bảo lãnh số VH007060/HĐBL-LG với Công ty L1. Theo đó, ông T1 đồng ý bảo lãnh thanh toán toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh theo Hợp đồng đào tạo số VH007060/HDDT-LG ký ngày 24/03/2023

giữa anh T và Công ty L1, bao gồm các nghĩa vụ: Chi phí đào tạo nghề, tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường thiệt hại (nếu có), tiền lãi trong trường hợp chậm thanh toán các khoản tiền thuộc phạm vi bảo lãnh thực hiện Hợp đồng đào tạo. Tuy nhiên nguyên đơn chưa có yêu cầu giải quyết về hợp đồng bảo lãnh đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Tòa án không xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp và các bên có đơn khởi kiện sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về án phí:

[11] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn khoản tiền tạm ứng án phí 2.620.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, Ký hiệu: BLTU/23, Số: 000732, ngày 11/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

[12] Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; mức án phí lao động sơ thẩm có giá ngạch mà bị đơn phải chịu là: 111.639.000 đồng x 3% = 3.349.170 đồng (làm tròn là: 3.349.000 đồng).

- Về quyền kháng cáo:

[13] Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 (*một*) tháng, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32; khoản 3 Điều 35; Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 20; khoản 3 Điều 40; Điều 62 và khoản 1 Điều 187 Bộ luật Lao động; Điều 418 và Điều 419 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Buộc bị đơn (anh Đặng Xuân T) phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn (Công ty TNHH L1) số tiền là: 111.639.000 (*một trăm mười một triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn*) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại do việc chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, bao gồm: ½ tháng tiền lương theo hợp đồng lao động: 2.705.000 đồng và khoản tiền lương tương ứng với 30 ngày nghỉ việc không báo trước tương ứng với số tiền: 5.410.000 đồng.

3. Về án phí:

Bị đơn (anh Nguyễn Mạnh H1) phải chịu 3.349.000 (ba triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn) đồng, án phí lao động sơ thẩm.

Trả lại nguyên đơn khoản tiền tạm ứng án phí 2.620.000 (hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, Ký hiệu: BLTU/23, Số: 000732, ngày 11/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết.

- Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hải Phòng;
- Cục THADS tp Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Kiên